

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh Phúc

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh Thanh Hóa

Biểu 03/TKĐĐ

THỐNG KÊ, KIỂM KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Đến ngày 31/12/2023)

Đơn vị tính diện tích: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Tổng diện tích đất phi nông nghiệp trong đơn vị hành chính	Diện tích đất theo đối tượng sử dụng										Diện tích đất theo đối tượng quản lý			
				Tổng số	Hộ gia đình, cá nhân trong nước (GDC)	Tổ chức trong nước (TCC)				Tổ chức nước ngoài (NNG)		Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)	Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo (CDS)	Tổng số	UBND cấp xã (UBQ)	Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ)	Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác (TKQ)
						Tổ chức kinh tế (TKT)	Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN)	Tổ chức sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức khác (TKH)	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Tổ chức chức năng ngoại giao (TNG)						
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(15)	(5)=(8)+(9)+...+(14)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+...+(18)	(16)	(17)	(18)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	173695	95588	57225	15687	18683	2934	8	732			318	78107	43094		35013
2.1	Đất ở	OCT	57062	57062	56995	42		25									
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	46100	46100	46075			25									
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	10962	10962	10920	42											
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	81569	32286	230	15623	13054	2639	8	732				49283	35132		14151
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	525	525			525										
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	5715	5715			5715										
2.2.3	Đất an ninh	CAN	3738	3738			3738										
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4745	4655		291	1912	2449	3					90	55		35
2.2.4.1	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	163	163				159	3								
2.2.4.2	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	918	830		7	781	41						89	53		35
2.2.4.3	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	61	61		8		52									
2.2.4.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	316	316		19		297									
2.2.4.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	2019	2019		156	1	1863									
2.2.4.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1223	1222		100	1114	9						1	1		
2.2.4.7	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	23	23				23									
2.2.4.8	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG															
2.2.4.9	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	21	21			16	4									
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	11699	11699	229	10713	24			732							
2.2.5.1	Đất khu công nghiệp	SKK	1058	1058		735				323							
2.2.5.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	626	626		603				23							
2.2.5.3	Đất khu chế xuất	SKT															
2.2.5.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1205	1205	63	1141	1										
2.2.5.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4568	4568	150	4032				386							
2.2.5.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3512	3512	5	3506	1										
2.2.5.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	730	730	12	696	22										
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	55148	5955		4619	1141	190	5					49193	35077		14116
2.2.6.1	Đất giao thông	DGT	37096	514		497		17						36581	27872		8710
2.2.6.2	Đất thủy lợi	DTL	13786	1175		1169			5					12611	7205		5406
2.2.6.3	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	419	419			246	173									
2.2.6.4	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	219	219			219										
2.2.6.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH															
2.2.6.6	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	433	433		178	256										
2.2.6.7	Đất công trình năng lượng	DNL	2673	2673		2672											
2.2.6.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	31	31		31											
2.2.6.9	Đất chợ	DCH	204	204		39	165										
2.2.6.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	285	285		32	253										
2.2.6.11	Đất công trình công cộng khác	DCK	2	2			2										
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	177	177									177				
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	141	141									141				
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	5595	5595		21	5574										
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	21930	241				241						21689	1463		20226
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	7174	38			10	28						7136	6500		636
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	47	47	1	1	45										

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

Người lập biểu


GIÁM ĐỐC
Hoàng Vũ Tuyền

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hoàng